

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 21/6/2022  
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Dương Thị Kim Hồng**.

Bà **Lương Thị Quyên**.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2022, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Mạc Thanh G**, sinh năm 1985.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Xóm 7, thôn Phương D, xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: 530-1, Yojang-ri, Jindong-myeon, Masanhappo-gu, Changwon-si, Gyeongsangnam-do, Hàn Quốc.

Người được chị G ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1995. ĐKHKT: Thôn R, xã Vạn Tr, huyện Bố Tr, tỉnh Quảng Bình. Chỗ ở hiện nay: Biệt thự E1, khu A10, KĐT Nam Y, phường Yên H, quận Cầu G, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Đỗ Văn H**, sinh năm 1974.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Xóm 7, thôn Phương D, xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự đều vắng mặt và có đơn, quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Mạc Thanh G trình bày:** Chị và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/3/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do điều kiện kinh tế khó khăn, vợ chồng không có tiếng nói chung và bất đồng về quan điểm sống. Từ tháng 4/2022, chị sang Hàn Quốc làm ăn nhưng mâu thuẫn không được cải thiện mà còn trầm trọng hơn, anh chị đã tìm cách hàn gắn, hòa giải nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đỗ Tùng D, sinh ngày 07/6/2005 và Đỗ Thành Q, sinh ngày 12/7/2008, hiện các con đang ở với anh H. Do chị đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc nên chị đề nghị giao cả hai con chung cho anh H chăm sóc, nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1con/1tháng; cả hai con là 3.000.000đ/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung: Chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện chị G đang lao động tại Hàn Quốc nên chị ủy quyền cho anh Nguyễn Văn T thay chị giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại các bản khai, bị đơn anh Đỗ Văn H trình bày:* Anh và chị Mạc Thanh G có quan hệ hôn nhân như chị G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 6 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Năm 2011, chị G đi lao động tại Hàn Quốc, thời gian đầu chị có liên lạc về nhà nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, sau đó anh và chị G không còn liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị G có đơn xin ly hôn, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên anh đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Về con chung; Vợ chồng có hai con chung như chị G trình bày là đúng, khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các con thành niên và nhất trí việc chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1con/1tháng; cả hai con là 3.000.000đ/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

Về tài sản chung, nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Người được chị G ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án*  
- *anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh nhất trí nhận ủy quyền của chị G, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị G biết, chị G vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thanh G ly hôn anh Đỗ Văn H. Về con chung: Giao hai con chung Đỗ Tùng D và Đỗ Thành Q cho anh H nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1con/1tháng; cả hai con là 3.000.000đ/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Về án phí: Chị G phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Mạc Thanh G có địa chỉ trước khi xuất cảnh ở thôn Phương D, xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương, hiện chị đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Bị đơn anh Đỗ Văn H đang sinh sống tại thôn Phương D, xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

Mặc dù, chị G không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị giám định, đơn xin giải quyết vắng mặt và giấy ủy quyền về Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Tòa án đã trưng cầu giám định dấu vân tay của chị G đối với các tài liệu này. Kết quả giám định cho thấy, dấu vân tay của chị G trong các tài liệu trên so với dấu vân tay in trong giấy chứng minh nhân dân của chị G là của cùng một người. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định nội dung trong các văn bản mà chị G gửi về đúng là ý chí, nguyện vọng của chị. Chị G và anh H đều đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Mạc Thanh G và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim X, huyện Kim T, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/3/2005 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống. Tháng 4/2011, chị G đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà còn căng thẳng hơn, vợ chồng không liên lạc và không quan tâm đến nhau. Nay, chị G và anh H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị G có đơn xin ly hôn, anh H nhất trí. Hội đồng

xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị G được ly hôn anh H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Mạc Thanh G và anh Đỗ Văn H có hai con chung là Đỗ Tùng D, sinh ngày 07/6/2005 và Đỗ Thành Q, sinh ngày 12/7/2008, hiện các con đang ở với anh H. Do đang lao động tại Hàn Quốc nên chị G đề nghị giao hai con chung cho anh H nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1con/1tháng, cả hai con là 3.000.000đ/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi). Anh H cũng có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và nhất trí về việc chị G cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Các con của anh, chị cũng có nguyện vọng được ở với anh H. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao hai con chung Đỗ Tùng D và Đỗ Thành Q cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận sự tự nguyện của chị G tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.500.000đ/1con/1tháng; cả hai con là 3.000.000đ/1tháng cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị G, anh H không yêu cầu xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Mạc Thanh G phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thanh G.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thanh G ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao cho anh Đỗ Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Đỗ Tùng D, sinh ngày 07/6/2005 và Đỗ Thành Q, sinh ngày 12/7/2008 cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị G cấp dưỡng tiền nuôi con là 1.500.000đ/1con/1tháng; cả hai con là 3.000.000đ/1tháng kể từ tháng 7/2022 cho đến khi các con thành niên (tròn 18 tuổi).

*Chị Mạc Thanh G được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

*Kể từ khi anh H có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị G không thi hành khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả do các bên thỏa*

*thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự.*

3. Về án phí: Chị Mạc Thanh G phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp, theo biên lai thu số AA/2021/0000072 ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do anh Nguyễn Văn T nộp thay). Chị G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Mạc Thanh G còn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Mạc Thanh G được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Đỗ Văn H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Kim X
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký )**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**